TÒA ÁN NHÂN DÂN **QUẬN BA ĐÌNH** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **30**/2023/KDTM-ST
Ngày 31 tháng 5 năm 2023
V/v: Tranh chấp hợp đồng tín dụng

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN BA ĐÌNH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Nhung**

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà **Bùi Thị Hạnh**

2. Ông **Phạm Quang Tuấn**

Thư ký phiên tòa: Bà **Phạm Thị Thùy Linh**

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình:

Bà **Bùi Mai Phương** – Kiểm sát viên tham gia phiên tòa.

Ngày 31 tháng 5 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án Kinh doanh thương mại thụ lý số 04/2023/TL – KDTMST ngày 10 tháng 01 năm 2023 về việc "Tranh chấp hợp đồng tín dụng" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 119/2023/QĐST - KDTM ngày 28 tháng 4 năm 2023; Quyết định hoãn phiên tòa số: 68/2023/QĐST-HPT ngày 25 tháng 5 năm 2023 giữa:

* Nguyên đơn: **Ngân hàng A.** Trụ sở: Phường Láng Hạ, quận Đống Đa, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: ông Ngô Chí D, chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị. Người đại diện theo ủy quyền: ông Phạm Tuấn A, chức vụ: Phó giám đốc trung tâm XLN pháp lý theo Văn bản ủy quyền số 25/2020/UQ-HĐQT ngày 07 tháng 07 năm 2020. Ông Phạm Tuấn A ủy quyền lại cho ông Nguyễn Minh B và bà Phạm Thị T theo Văn bản ủy quyền số 61/2023/UQ ngày 06/01/2023 và ông Nguyễn Đức L theo Văn bản ủy quyền ngày 31/5/2023. Ông L có mặt tại phiên tòa.

* Bị đơn: **Công ty B**. Đăng ký kinh doanh số 0106012171 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Hà Nội cấp lần đầu ngày 15/10/2012. Địa chỉ: Phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trịnh Đình C- chức vụ: Giám đốc (đã chết). Người đại diện theo pháp luật: Bà Vũ Thị T theo Thông báo số 72/2023/TB-TA ngày 10/2/2023 của Tòa án nhân dân quận Ba Đình về việc chỉ định người đại diện theo pháp luật của công ty. Vắng mặt lần thứ

hai không có lý do.

***** Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà **Bạch Thị H**. Sinh năm 1978. Hộ khẩu thường trú: Huyện Thường Tín, thành phố Hà Nội. Bà Hiển vắng mặt lần thứ hai không có lý do.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Trong đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, cũng như tại phiên tòa sơ thẩm. Nguyên đơn Ngân hàng A do người đại diện theo ủy quyền là ông Nguyễn Đức L trình bày***:

Theo Hợp đồng cho vay số 111221-7003788-01-SME ngày 15/12/2021 và khế ước nhận nợ số 111221-7003788-01-SME ngày 15/12/2021, A giải ngân cho Công ty B số tiền là: 923.000.000 đồng, như sau: Số tiền vay: 923.000.000 đồng. Thời hạn vay: 48 tháng, từ ngày 15/12/2021 đến ngày 15/12/2025. Mục đích vay: Mua 01 xe CARNIVAL 2.2D LUXURY 8S theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 2411-08/2021/KDTM/HĐ-TG ngày 24/11/2021 ký giữa Công ty B và Công ty CP C. Lãi suất cho vay trong hạn: 9,4%/năm. Mức lãi suất này sẽ được cố định trong vòng 12 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên. Hết thời hạn 12 tháng, lãi suất cho vay sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 15/01/2023. Mức điều chỉnh lãi suất bằng lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng áp dụng đối với khoản giải ngân có kỳ hạn là trên 3 đến 5 năm và kỳ điều chỉnh lãi suất là 1M tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 4%/năm. Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với số tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư

Theo Hợp đồng cho vay hạn mức số 100822-7003788-01-SME ngày 17/08/2022 và khế ước nhận nợ số 100822-7003788-01-SME ngày 19/08/2018, A giải ngân cho Công ty B số tiền là: 950.000.000 đồng. Thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày 19/08/2022 đến ngày 19/02/2023. Mục đích vay: Thanh toán tiền hàng.

Lãi suất cho vay trong hạn: 15,5%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ 01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 19/09/2022. Mức điều chỉnh lãi suất bằng lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 8,5%/năm. Lãi suất nợ quá hạn: Bằng 150% mức lãi suất trong hạn. Lãi suất chậm trả áp dụng đối với số tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tính trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Theo Hợp đồng cho vay số 260721-7003788-01-SME ngày 31/07/2021 và khế ước nhận nợ kèm theo, A giải ngân cho Công ty B số tiền là: 990.000.000 đồng. Thời hạn vay: 06 tháng, từ ngày 30/03/2022 đến ngày 30/09/2022. Mục đích vay: Thanh toán tiền cho đối tác. Lãi suất trong hạn 15.6%/năm. 8,8%/năm. Lãi suất cho vay trong hạn: 15,6%/năm. Mức lãi suất này sẽ được điều chỉnh định kỳ

01 tháng/lần. Ngày điều chỉnh lãi suất đầu tiên là ngày 30/4/2022. Mức điều chỉnh lãi suất bằng lãi suất bán vốn của bên Ngân hàng tại thời điểm điều chỉnh cộng (+) biên độ 8,8%/năm. Lãi suất nợ quá hạn: Bằng Lãi suất chậm trả áp dụng đối với số tiền lãi chậm trả: Bằng 150% lãi suất cho vay trong hạn áp dụng tại thời điểm chậm trả lãi nhưng tối đa không quá 10%/năm tỉnh trên số dư lãi chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả.

Tài sản bảo đảm: 01 xe ô tô Kia Carnival 2.2D Luxury, BKS 30H-338.61, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 141455 do Phòng Cảnh sát Giao thông – Công an TP Hà Nội tại A theo hợp đồng thế chấp số 111221-7003788-01-SME/TC ngày 15/12/2021.

Bảo lãnh cá nhân của bà Bạch Thị H theo các Hợp đồng bảo lãnh số: 01/HĐBL ngày 31/7/2021; 01/BLCN ngày 15/12/2021 và 01/HĐBL ngày 17/8/2022. Theo đó, bà Bạch Thị H đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty B trong việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A theo các văn kiện tín dụng đã ký.

Quá trình thực hiện hợp đồng, A đã giải ngân cho Công ty B tổng số tiền là: 2.863.000.000 đồng (Hai tỷ, tám trăm sáu mươi ba triệu đồng). Công ty B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với A kể từ ngày 30/09/2022 nên toàn bộ khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn và phải chịu mức lãi suất nợ quá hạn theo thỏa thuận trong các Hợp đồng tín dụng. Tạm tính đến ngày 31/5/2023, Công ty B còn nợ A số tiền: Nợ gốc: 2.679.936.871 đồng; Nợ lãi trong hạn: 53.960.034 đồng; Nợ lãi quá hạn: 437.501.782 đồng; Lãi chậm trả: 19.377.239 đồng; Tổng cộng: 3.190.774.938 đồng.

Nay Ngân hàng đề nghị Tòa án giải quyết:

- Buộc Công ty B thanh toán cho Ngân hàng A số tiền tạm tính đến ngày 31/5/2023 tổng số tiền là Nợ gốc: 2.679.936.871 đồng; Nợ lãi trong hạn: 53.960.034 đồng; Nợ lãi quá hạn: 437.501.782 đồng; Lãi chậm trả: 19.377.239 đồng; Tổng cộng: 3.190.774.938 đồng theo các Hợp đồng cho vay số 111221-7003788-01-SME ngày 15/12/2021; Hợp đồng cho vay hạn mức số 10082-7003788-01-SME ngày 17/8/2022; Hợp đồng cho vay ngày 31/7/2021 và các Khế ước nhận nợ đã ký.

- Buộc Công ty B thanh toán tiền nợ lãi phát sinh theo lãi suất quá hạn thỏa thuận tại các Hợp đồng cấp tín dụng kể từ ngày 04/01/2023 cho đến khi thanh toán xong toàn bộ khoản nợ.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật, Công ty B không thực hiện, thực hiện không đúng nghĩa vụ thanh toán khoản nợ nêu trên và lãi phát sinh thì Ngân hàng A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án tiến hành xử lý tài sản bảo đảm của khoản vay nói trên để thu hồi toàn bộ khoản nợ cho A, tài sản bảo đảm là: 01 xe ô tô Kia Carnival 2.2D Luxury, BKS 30H-338.61, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô

số 29 141455 do Phòng Cảnh sát Giao thông – Công an TP Hà Nội cấp ngày 09/12/2021 mang tên Công ty B. Xác lập thế chấp tại A theo hợp đồng thế chấp số 111221-700378801-SME/TC ngày 15/12/2021.

Bảo lãnh cá nhân của bà Bạch Thị H theo các Hợp đồng bảo lãnh số: 01/HĐBL/A ngày 31/7/2021; 01/BLCN/A ngày 15/12/2021 và 01/HĐBL ngày 17/8/2022. Theo đó, bà Bạch Thị H đồng ý bằng toàn bộ tài sản của mình, bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty B trong việc thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A theo các văn kiện tín dụng đã ký.

- Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán xử lý tài sản bảo đảm được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ của Công ty B đối với Ngân hàng A. Nếu số tiền thu được từ bán/xử lý tài sản bảo đảm không đủ thanh toán hết khoản nợ thì Công ty B vẫn phải có nghĩa vụ trả hết khoản nợ cho Ngân hàng A.

Tòa án đã tiến hành tống đạt, niêm yết hợp lệ các văn bản tố tụng: Thông báo thụ lý vụ án; Thông báo về việc triệu tập lấy lời khai và tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; Quyết định yêu cầu cung cấp tài liệu, chứng cứ; Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa cho bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Tuy nhiên bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt không lý do. Bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan cũng không ủy quyền cho ai đến Tòa án làm việc. Vì vậy Tòa án không tiến hành hòa giải cho nguyên đơn, bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được, Tòa án giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

**** Đại diện Viện kiểm sát tham gia phiên Tòa phát biểu quan điểm***:

+ Về thẩm quyền: Tòa án đã thụ lý đúng thẩm quyền theo khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+ Xác định đúng tư cách pháp lý và mối quan hệ giữa những người tham gia tố tụng theo Điều 68 Bộ luật tố tụng dân sự;

+ Tiến hành hòa giải, mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, công bố chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ theo Điều 212, 205, 206, 207, 208, 209, 210 Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+ Quyết định đưa vụ án ra xét xử; Quyết định hoãn phiên tòa đã được Thẩm phán thực hiện theo đúng quy định tại Điều 220 Bộ luật tố tụng dân sự và đã được tống đạt hợp lệ cho các đương sự;

+ Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng theo quy định tại chương XIV Bộ luật tố tụng dân sự 2015;

+ Về hình thức hợp đồng tín dụng, hợp đồng bảo lãnh, khế ước nhận nợ được các bên ký kết theo đúng quy định pháp luật.

Đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử xem xét và quyết định: Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn, buộc Công ty B trả cho A số tiền nợ gốc và lãi theo các Hợp đồng cho vay số 111221-7003788-01-SME ngày 15/12/2021; Hợp đồng

cho vay hạn mức số 10082-7003788-01-SME ngày 17/8/2022; Hợp đồng cho vay ngày 31/7/2021 và các Khế ước nhận nợ đã ký cho đến khi Công ty Btrả hết nợ.

Đối với hợp đồng thế chấp số 111221-7003788-01-SME/TC ngày 15/12/2021; Hợp đồng bảo lãnh số: 01/HĐBL/A ngày 31/7/2021; Hợp đồng bảo lãnh số 01/BLCN/A ngày 15/12/2021 và Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 17/8/2022 là phù hợp với quy định pháp luật cần được chấp nhận.

Án phí sơ thẩm: Nguyên đơn phải chịu một phần án phí đối với số tiền lãi phạt trên lãi quá hạn không được chấp nhận; Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại có giá ngạch theo quy định pháp luật.

Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, đã được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa. Hội đồng xét xử nhận thấy:

[1]. Về tố tụng:

Đây là vụ án yêu cầu thanh toán tiền còn nợ theo hợp đồng tín dụng giữa A với Công ty B, mục đích vay để Vay mua 01 xe CARNIVAL 2.2D LUXURY 8S theo hợp đồng mua bán xe ô tô số 2411-08/2021/KDTM/HĐA-TG ngày 24/11/2021 ký giữa Công ty B và Công ty CP C phục vụ kinh doanh; Thanh toán tiền hàng; Thanh toán tiền cho đối tác xác định đây là tranh chấp kinh doanh thương mại được quy định tại khoản 1 Điều 30 Bộ luật tố tụng dân sự.

Công ty B có địa chỉ trụ sở tại Phường Vĩnh Phúc, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Do công ty B không trả được khoản vay cho A sau khi đến hạn trả, A đã thông báo cho công ty thực hiện nghĩa vụ thanh toán nhưng công ty không thanh toán trả cho ngân hàng A cả gốc và lãi. Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm b khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân quận Ba Đình thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền và còn thời hiệu.

Trong quá trình giải quyết vụ án: Bà Bạch Thị H là vợ của ông Trịnh Đình C – người đại diện theo pháp luật của Công ty B xuất trình Giấy khai tử của ông Trịnh Đình C, chết ngày 27/10/2022.

Tòa án nhân dân quận Ba Đình được Sở kế hoạch và đầu tư Hà Nội cung cấp: Các cổ đông sáng lập của Công ty B bao gồm:

1. Ông **Nguyễn Cao C**. CMND: 0122xxxxxx. Địa chỉ liên hệ: Phường Phúc Xá, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

2. Ông **Nguyễn Mạnh C**. Sinh năm 1983. HKTT: Phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội. Địa chỉ liên hệ: Phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

3. Bà **Vũ Thị T**. Sinh năm 1986. CCCD số 0381860xxxxxx do Cục Cảnh sát ĐKQL cư trú và DLQG về dân cư cấp ngày 22/06/2015. Hộ khẩu thường trú tại Phường Cống Vị, quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Căn cứ khoản 7 Điều 12 Luật doanh nghiệp 2020, Tòa án nhân dân quận Ba Đình, thành phố Hà Nội chỉ định bà **Vũ Thị T** là người đại diện theo pháp luật của Công ty B.

Hợp đồng cho vay số 111221-7003788-01-SME ngày 15/12/2021; Hợp đồng cho vay hạn mức số 10082-7003788-01-SME ngày 17/8/2022; Hợp đồng cho vay ngày 31/7/2021 và các Khế ước nhận nợ đã ký đáp ứng đủ điều kiện của chủ thể ký kết Hợp đồng và nội dung ký kết phù hợp với quy định của pháp luật nên là Hợp đồng tín dụng có giá trị pháp lí.

Quá trình giải quyết vụ án, trước thời điểm mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận công khai chứng cứ và hòa giải bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét.

[2]. Về nội dung:

Căn cứ vào Hợp đồng cho vay số 111221-7003788-01-SME ngày 15/12/2021; Hợp đồng cho vay hạn mức số 10082-7003788-01-SME ngày 17/8/2022; Hợp đồng cho vay ngày 31/7/2021 và các Khế ước nhận nợ kèm theo; Hợp đồng thế chấp số 111221-7003788-01-SME/TC ngày 15/12/2021; Hợp đồng bảo lãnh số: 01/HĐBL/A ngày 31/7/2021 giữa Công ty B và A và Hợp đồng bảo lãnh số 01/BLCN/A ngày 15/12/2021 và Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 17/8/2022 giữa A và bà Bạch Thị H. Ngay sau khi ký hợp đồng tín dụng A đã giải ngân cho Công ty B tổng số tiền là: 2.863.000.000 đồng.

Quá trình thực hiện hợp đồng Công ty B đã vi phạm nghĩa vụ trả nợ đối với A nên toàn bộ dư nợ của khoản vay đã chuyển sang nợ quá hạn với lãi suất quá hạn theo quy định tại các Hợp đồng tín dụng. Tính đến ngày 5/7/2018, Công ty B đã thanh toán cho A tổng số là 281.786.355 đồng cụ thể nợ gốc: 183.064.118 tổng; nợ lãi là: 98.722.237 đồng. Tại phiên tòa hôm nay A xác nhận Công ty B còn nợ A tổng số tiền tạm tính đến ngày 31/5/2023, cụ thể: Nợ gốc: 2.679.936.871 đồng; Nợ lãi trong hạn: 53.960.034 đồng; Nợ lãi quá hạn: 437.501.782 đồng; Lãi chậm trả: 19.377.239 đồng; Tổng cộng: 3.190.774.938 đồng.

Qua đối chiếu nhận thấy cách tính lãi trong hạn, lãi quá hạn của các bên trong các hợp đồng tín dụng là phù hợp với các điều khoản trong hợp đồng phù hợp với quy định pháp luật nên được chấp nhận.

Xét thấy các hợp đồng tín dụng ký kết giữa A và Công ty B là hoàn toàn tự nguyện, có nội dung và hình thức hợp pháp, có hiệu lực giữa hai bên. Việc Công ty Bkhông trả được nợ gốc và nợ lãi theo đúng kỳ hạn thỏa thuận là vi phạm hợp đồng tín dụng đã ký kết. A khởi kiện Công ty B là đúng quy định của pháp luật nên

được chấp nhận.

Từ nhận định trên có đủ căn cứ xác nhận Công ty B còn nợ A theo Hợp đồng cho vay số 111221-7003788-01-SME ngày 15/12/2021; Hợp đồng cho vay hạn mức số 10082-7003788-01-SME ngày 17/8/2022; Hợp đồng cho vay ngày 31/7/2021 và các Khế ước nhận nợ kèm theo giữa Công ty B và A bao gồm: Nợ gốc: 2.679.936.871 đồng; Nợ lãi trong hạn: 53.960.034 đồng; Nợ lãi quá hạn: 437.501.782 đồng; Lãi chậm trả: 19.377.239 đồng; Tổng cộng: 3.190.774.938 đồng tạm tính đến ngày 31/5/2023 và tiếp tục tính lãi theo đúng thỏa thuận trong Hợp đồng tín dụng cho đến ngày Công ty B thực tế thanh toán hết nợ cho A.

[3] Đối với yêu cầu xử lý tài sản bảo đảm của A: Xét yêu cầu đề nghị Tòa án tuyên khi bản án có hiệu lực pháp luật, bị đơn không thanh toán trả cho A nợ gốc và nợ lãi thì A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án xử lý tài sản bảo đảm để thi hành án.

Hội đồng xét xử nhận thấy:

- Đối với Hợp đồng thế chấp số 111221-7003788-01-SME/TC ngày 15/12/2021 giữa A và công ty B. Công ty B đã đồng ý thế chấp tài sản của mình là: Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 141455 do Phòng Cảnh sát Giao thông – Công an TP Hà Nội để đảm bảo cho khoản vay của Công ty Ba Đình, cụ thể:

Tại Điều 3 của Hợp đồng thế chấp quy định về nghĩa vụ bảo đảm:

"Tài sản thế chấp nêu tại Điều 2 của hợp đồng này bảo đảm cho việc thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai, bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí, các khoản phạt, các khoản bồi thường thiệt hại, các khoản phải hoàn trả và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của bên được bảo đảm đối với bên ngân hàng phát sinh từ tất cả các văn kiện tín dụng (bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, khế ước nhận nợ, đề nghị phát hành bảo lãnh, đề nghị phát hành L/C, đề nghị chiết khấu và các văn bản liên quan (nếu có áp dụng)) của các văn kiện tín dụng sau đây được xác lập, ký kết giữa bên được bảo đảm với Bên Ngân Hàng và bên liên quan khác (nếu có): Hợp đồng cho vay số 111221-7003788-01-SME ngày 15/12/2021; Các Văn Kiện Tín Dụng được ký trước, trong và sau ngày ký kết Hợp Đồng này".

Tại thời điểm ký hợp đồng này tài sản chưa được cấp Giấy chứng nhận đăng ký (tài sản hình thành trong tương lai), các bên đồng ý rằng sau khi tài sản thế chấp được cấp Giấy chứng nhận đăng ký (tài sản đã hình thành), hợp đồng này vẫn duy trì đầy đủ hiệu lực và các bên không phải ký kết bất kỳ phụ lục, thỏa thuận bổ sung nào khác để ghi nhận về tài sản thế chấp và Giấy chứng nhận đăng ký của tài sản thế chấp.

Như vậy, xác định tài sản nêu trên bảo đảm cho khoản vay của Công ty B tại A. Việc ký kết là hoàn toàn tự nguyện không trái các quy định của pháp luật và các bên tham gia ký kết có đầy đủ năng lực hành vi dân sự. Công ty B dùng tài sản của mình để đảm bảo cho khoản vay của Công ty theo Hợp đồng tín dụng là phù hợp với

quy định của pháp luật.

Như vậy, có đủ căn cứ để xác nhận các hợp đồng thế chấp nêu trên có giá trị pháp lý. Vì vậy, yêu cầu của A đề nghị Tòa án tuyên khi án có hiệu lực pháp luật mà bị đơn không thực hiện nghĩa vụ thanh toán hoặc thanh toán không đầy đủ khoản nợ thì A có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án có thẩm quyền xử lý các tài sản bảo đảm để đảm bảo thi hành án là có căn cứ nên được chấp nhận.

[4] Đối với Hợp đồng bảo lãnh số 01/BLCN/A ngày 15/12/2021 và Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 17/8/2022 giữa A và bà Bạch Thị H, bà Bạch Thị H đồng ý dùng toàn bộ tài sản của mình bảo lãnh vô điều kiện và không hủy ngang cho Công ty B thực hiện toàn bộ nghĩa vụ hiện tại và nghĩa vụ trong tương lai, bao gồm nghĩa vụ trả nợ gốc, lãi, các khoản phí các khoản phạt, các khoản bồi trường thiệt hại, các khoản phải hoàn trả và tất cả các nghĩa vụ tài chính khác của Bên Được Bảo Lãnh đối với Bên Ngân Hàng phát sinh từ tất cả các Văn bản khế ước nhận nợ, Văn kiện tín dụng (bao gồm cả các phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung phát hành bảo lãnh, đề nghị phát hành L/C, đề nghị chiết khấu và các văn bản liên quan (nếu có)) được xác lập bởi Bên Được Bảo Lãnh và/hoặc được ký kết giữa Bên Được Bảo Lãnh với Bên Ngân Hàng và bên liên quan khác (nếu có). Các văn kiện kín dụng theo Hợp Đồng này được xác định bao gồm: Hợp đồng cho vay hạn mức số 100822-7003788-01-SME ngày 17/8/2022; Các văn kiện tín dụng được ký trước, trong và sau ngày ký kết Hợp Đồng này.

Xét thấy các hợp đồng bảo lãnh được ký kết là hoàn toàn tự nguyện và phù hợp với các quy định của pháp luật về bảo lãnh. Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của A nên trong giai đoạn thi hành án Công ty B không thi hành án hoặc thi hành không đúng nghĩa vụ trả nợ còn thiếu cho A thì tài sản thế chấp được phát mãi để thi hành án. Đồng thời buộc bà Bạch Thị H thực hiện nghĩa vụ trả nợ cho A thay cho Công ty B theo Hợp đồng bảo lãnh số 01/BLCN/A ngày 15/12/2021 và Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 17/8/2022.

[5] Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện bằng một vụ án khác trong trường hợp các đương sự có yêu cầu theo quy định của pháp luật.

- Về án phí sơ thẩm: A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm; Bị đơn phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm có giá ngạch theo quy định của pháp luật;

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình tham gia phiên tòa phát biểu quan điểm về hướng giải quyết vụ án phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên ghi nhận.

- Nguyên đơn; bị đơn; người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật;

- Vì các căn cứ nhận định trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 30, điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; khoản 2 Điều 201; Điều 227; khoản 3 Điều 228; Điều 271; Điều 273; Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ vào Điều 91; Điều 95 Luật tổ chức tín dụng (Đã được sửa đổi bổ sung năm 2010).

Căn cứ Điều 335, 336, 338, 339, 340, 341, 342; Điều 463; Điều 466; Điều 468 Bộ luật dân sự 2015.

Căn cứ Nghị định số 163/2006/NĐ-CP ngày 29/12/2006 của Chính phủ về Giao dịch bảo đảm.

Căn cứ Nghị định số 11/2012/NĐ-CP ngày 22 tháng 02 năm 2012 về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số 163/NĐ-CP ngày 29 tháng 12 năm 2006 của Chính phủ về giao dịch bảo đảm.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 Quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Ngân hàng A buộc Công ty B thanh toán trả cho Ngân hàng A toàn bộ nợ gốc, lãi trong hạn và lãi quá hạn theo Hợp đồng cho vay số 111221-7003788-01-SME ngày 15/12/2021; Hợp đồng cho vay hạn mức số 10082-7003788-01-SME ngày 17/8/2022; Hợp đồng cho vay ngày 31/7/2021 và các Khế ước nhận nợ kèm.

- Xác nhận Công ty B còn nợ Ngân hàng A số tiền nợ gốc và lãi theo Hợp đồng cho vay số 111221-7003788-01-SME ngày 15/12/2021; Hợp đồng cho vay hạn mức số 10082-7003788-01-SME ngày 17/8/2022; Hợp đồng cho vay ngày 31/7/2021 và các Khế ước nhận nợ kèm với số tiền bao gồm: Nợ gốc: **2.679.936.871** *(Hai tỷ, sáu trăm bảy mươi chín triệu, chín trăm ba mươi sáu nghìn, tám trăm bảy mươi mốt)* đồng; Nợ lãi trong hạn: **53.960.034** *(Năm mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, không trăm ba mươi tư)* đồng; Nợ lãi quá hạn: **437.501.782** *(Bốn trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm linh một nghìn, bảy trăm tám mươi hai)* đồng; Lãi chậm trả: **19.377.239** *(Mười chín triệu, ba trăm bảy mươi bảy nghìn, hai trăm ba mươi chín)* đồng; Tổng cộng: **3.190.774.938** *(Ba tỷ, một trăm chín mươi triệu, bảy trăm bảy mươi tư nghìn, chín trăm ba mươi tám)* đồng tạm tính đến ngày 31/5/2023.

- Buộc Công ty B phải thanh toán trả cho Ngân hàng A tổng số tiền bao gồm: Nợ gốc: **2.679.936.871** *(Hai tỷ, sáu trăm bảy mươi chín triệu, chín trăm ba mươi sáu nghìn, tám trăm bảy mươi mốt)* đồng; Nợ lãi trong hạn: **53.960.034** *(Năm mươi ba triệu, chín trăm sáu mươi nghìn, không trăm ba mươi tư)* đồng; Nợ lãi quá hạn: **437.501.782** *(Bốn trăm ba mươi bảy triệu, năm trăm linh một nghìn, bảy trăm tám mươi hai)* đồng; Lãi chậm trả: **19.377.239** *(Mười chín triệu, ba trăm bảy mươi*

bảy nghìn, hai trăm ba mươi chín) đồng; Tổng cộng: **3.190.774.938** *(Ba tỷ, một trăm chín mươi triệu, bảy trăm bảy mươi tư nghìn, chín trăm ba mươi tám)* đồng tạm tính đến ngày 31/5/2023.

Kể từ ngày tiếp theo ngày xét xử sơ thẩm, Công ty B còn phải tiếp tục chịu khoản tiền lãi quá hạn của số tiền nợ gốc chưa thanh toán, theo mức lãi suất mà các bên thỏa thuận trong hợp đồng cho đến khi thanh toán xong khoản nợ gốc. Trường hợp trong hợp đồng tín dụng, các bên có thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay thì lãi suất mà khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh cho phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

2. Trường hợp Công ty B không trả được nợ, Ngân hàng A có quyền yêu cầu Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản đảm bảo để thu hồi nợ là: 01 xe ô tô Kia Carnival 2.2D Luxury, BKS 30H-338.61, Giấy chứng nhận đăng ký xe ô tô số 29 141455 do Phòng Cảnh sát Giao thông – Công an TP Hà Nội tại A theo hợp đồng thế chấp số 111221-7003788-01-SME/TC ngày 15/12/2021.

Số tiền thu được từ việc xử lý tài sản thế chấp nêu trên sẽ được thanh toán toàn bộ nợ trong các hợp đồng tín dụng nêu trên, nếu có dư Ngân hàng A phải trả lại cho bên thế chấp, nếu thiếu thì bên vay tiền tiếp tục phải trả cho Ngân hàng A số tiền còn thiếu.

3. Trường hợp Công ty B không trả được nợ. Buộc bà Bạch Thị H thực hiện nghĩa vụ trả nợ thay cho Công ty Cổ phần Btheo Hợp đồng bảo lãnh số 01/BLCN/A ngày 15/12/2021 và Hợp đồng bảo lãnh số 01/HĐBL ngày 17/8/2022.

4. Do bị đơn không đưa ra yêu cầu phản tố, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không đưa ra yêu cầu độc lập nên Tòa án không xem xét. Dành quyền khởi kiện cho các đương sự bằng một vụ án khác theo quy định của pháp luật.

5. Về án phí sơ thẩm:

- Công ty B phải chịu **95.815.499** *(Chín mươi lăm triệu, tám trăm mười lăm nghìn, bốn trăm chín mươi chín)* đồng án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm.

- Ngân hàng A không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm và được hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là **45.000.000** (*Bốn mươi lăm triệu*) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0002890 ngày 10 tháng 01 năm 2023 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ba Đình, thành phố Hà Nội.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử công khai sơ thẩm có mặt đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn,

người đại diện theo pháp luật của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan vắng mặt. Nguyên đơn có quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày 31 tháng 5 năm 2023. Người đại diện theo pháp luật của bị đơn, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- *Tòa án nhân dân thành phố Hà Nội;*
- *Viện kiểm sát nhân dân quận Ba Đình;*
- *Chi cục THA dân sự quận Ba Đình;*
- *Các đương sự;*
- *Lưu hồ sơ vụ án.*

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Thị Nhung